TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA** Bản án số: 128/2023/HNGĐ-ST Ngày: 20 - 9 - 2023 *V/v Ly hôn;*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tuấn Long

Bà Phan Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: *Bà Lê Lệ Thủy - Kiểm sát viên*

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc: " *Ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/ 2023/QĐHPT ngày 07/9/2023 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Th - sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa,

Bị đơn: Anh Lê Tự T - sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn B, xã Th, huyện H, Thanh Hóa,

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2023, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, chị Trịnh Thị Th có quan điểm trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Th và anh Lê Tự T kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, việc cưới hỏi được gia đình hai bên tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương. Ngày 16/4/2014 chị Th và anh T được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau bình thường, hạnh phúc, đến năm 2016 thì chị Th mang thai nhưng do chị bị xẩy thai

nên từ đó tình cảm vợ chồng không còn được hạnh phúc, mà hay xảy ra bất đồng quan điểm, nên trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bế tắc, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh T bỏ mặc không quan tâm đến chị, nên chị Th về nhà bố mẹ đẻ nhờ cậy chăm sóc. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Tự T.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không đề nghị giải quyết

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng chưa có tài sản chung nên không đề nghị giải quyết.

Đối với bị đơn: Theo kết quả tống đạt văn bản tố tụng ngày 13/4 và 11/6/2023, anh Lê Tự T có mặt tại gia đình nhưng từ chối nhận văn bản tố tụng thậm chí không hợp tác khi Tòa án yêu cầu làm việc.

Tại Biên bản xác minh cùng ngày 11/6/2/23, Trưởng thôn B, xã Th cho biết, anh Lê Tự T và chị Trịnh Thị Th có đăng ký kết hôn, hiện tại anh T có đăng ký nhân khẩu tại thôn B, xã Th và đang làm ăn sinh sống tại địa phương. Về tình trạng hôn nhân: Sau khi cưới nhau được thời gian thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, hay bất đồng quan điểm dẫn đến xô sát, nên chị Th đã nhiều lần bỏ về nhà ngoại ở xã T để sinh sống, hiện tại chị Th và anh T sống ly thân do mâu thuẫn vợ chồng.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị Th, xử cho chị Th được ly hôn với anh Lê Tự T.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không xét giải quyết,

Về tài sản chung: Không đề nghị xem xét giải quyết,

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trịnh Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về mức án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện H có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về " Ly hôn". Vụ án thuộc trường hợp không T hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án T hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Th và anh Lê Tự T kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, việc kết hôn được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H vào ngày 16/4/2014. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả anh và chị không vi phạm quy định về độ tuổi và các điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, thời kỳ hôn nhân của anh và chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn: Năm 2014, chị Th và anh T chính thức đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận nhưng từ năm 2016 cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, hay xảy ra bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân dần đi vào lo âu bế tắc khi cả hai bên vợ, chồng không thể chia sẻ để tìm biện pháp cải thiện hàn gắn tình cảm. Bên cạnh đó anh T lại không quan tâm, chăm lo đến cuộc sống của chị Th, không tâm lý lo lắng khi chị bị xảy thai. Từ việc mâu thuẫn đó đã dẫn đến chị Th bị tổn thương tâm lý, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ nhờ chăm sóc cho chị. Cũng từ khi chị bị đau ốm, anh T không một lần thăm hỏi, không qua lại, liên lạc và thậm chí bỏ mặc chị Th trong thời gian dài. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh T có mặt tại nơi cư trú nhưng cũng không có mặt tại Tòa án để cung cấp Thông tin đối với yêu cầu ly hôn của chị Th, việc giải quyết vụ án không thể hòa giải được vì lý do anh T cố tình lẫn tránh. Nay chị Th yêu cầu ly hôn đối với anh là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Xét việc vắng mặt của bị đơn: Tại thời điểm chị Th khởi kiện, anh Lê Tự T vẫn làm ăn, sinh sống tại thôn B, xã Th, huyện H. Quá trình tống đạt văn bản tố tụng giải quyết vụ án, anh đều từ chối nhận văn bản tố tụng. Theo quy định khoản 4 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc tống đạt văn bản tố tụng được coi là tống đạt hợp lệ đối với bị đơn. Như vậy, việc anh T vắng mặt tại Tòa án là hành vi cố tình lẫn tránh, không hợp tác làm việc, không khai báo, gây khó khăn cho nguyên đơn, cho Tòa án khi tiến hành giải quyết vụ án. Nay Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Tự T là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn tố tụng và quyền của các đương sự trong vụ án.

[5] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Th phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (Ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị Th, chị Th được ly hôn với anh Lê Tự T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trịnh Thị Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2022/0005247 ngày 11/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
-VKSND huyện H;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện H.
- UBND xã T;
- Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi